



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

Báo cáo tài chính riêng Quý 1 năm 2016

Ngày 31 tháng 03 năm 2016



# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8 - 33

天龍集團有限公司

# Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:

<u>Điều chỉnh</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 9 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần 10	Ngày 30 tháng 01 năm 2015
Điều chỉnh lần 11	Ngày 31 tháng 07 năm 2015
Điều chỉnh lần 12	Ngày 21 tháng 03 năm 2016

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Trần Thái Như	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích Ngà	Trưởng ban
Ông Lý Văn Dũ	Thành viên
Ông Tạ Hoàng Sơn	Thành viên





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>601.110.913.604</b>	<b>689.820.935.822</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>277.815.905.885</b>	<b>392.910.555.920</b>
111	1. Tiền		74.815.905.885	129.910.555.920
112	2. Các khoản tương đương tiền		203.000.000.000	263.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>116.875.151.510</b>	<b>85.103.286.406</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	95.707.124.587	67.751.033.898
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	5.149.717.249	13.393.025.664
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		16.018.309.674	3.959.226.844
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>205.821.736.835</b>	<b>209.030.194.438</b>
141	1. Hàng tồn kho		219.259.591.087	222.468.048.690
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.437.854.252)	(13.437.854.252)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>598.119.374</b>	<b>2.776.899.058</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	308.116.957	1.395.259.429
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		290.002.417	1.381.639.629
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>421.411.431.479</b>	<b>360.371.170.969</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>692.700.128</b>	<b>692.700.128</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		692.700.128	692.700.128
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>196.567.976.366</b>	<b>135.831.590.474</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	105.225.375.669	103.977.887.799
222	Nguyên giá		331.933.626.345	324.967.578.079
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(226.708.250.676)	(220.989.690.280)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	91.342.600.697	31.853.702.675
228	Nguyên giá		109.425.352.893	48.667.062.826
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.082.752.196)	(16.813.360.151)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.938.303.942</b>	<b>6.505.835.232</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.938.303.942	6.505.835.232
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>144.669.810.624</b>	<b>139.669.810.624</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		124.500.000.000	119.500.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		30.685.000.000	30.685.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(10.515.189.376)	(10.515.189.376)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>76.542.640.419</b>	<b>77.671.234.511</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	68.263.269.604	68.711.621.222
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.3	8.279.370.815	8.959.613.289
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.022.522.345.083</b>	<b>1.050.192.106.791</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 03 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>324.528.137.909</b>	<b>380.365.900.053</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>265.928.327.208</b>	<b>318.526.484.952</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	70.272.048.394	72.603.047.286
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.692.958.099	2.319.493.013
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	17.232.766.789	13.342.011.345
314	4. Phải trả người lao động		8.046.390.750	6.962.426.493
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	12.397.689.936	20.025.259.208
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.559.918.528	31.710.871.028
320	7. Vay ngắn hạn	17	148.090.162.153	164.323.400.676
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.636.392.559	7.239.975.903
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>58.599.810.701</b>	<b>61.839.415.101</b>
338	1. Vay dài hạn	17	40.368.466.901	43.881.628.801
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	16	18.231.343.800	17.957.786.300
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>18</b>	<b>697.994.207.174</b>	<b>669.826.206.738</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>697.994.207.174</b>	<b>669.826.206.738</b>
411	1. Vốn cổ phần		383.126.720.000	294.714.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		383.126.720.000	294.714.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		128.217.023.000	128.217.023.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		78.290.097.498	78.290.097.498
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		108.360.366.676	168.604.446.240
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		70.327.662.619	59.047.872.669
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này		38.032.704.057	109.556.573.571
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.022.522.345.083</b>	<b>1.050.192.106.791</b>

  
Phạm Thị Giang  
Người lập

  
Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng

  
Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc


Ngày 25 tháng 04 năm 2016





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng	19.1	233.609.268.225	195.462.397.571
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(2.581.825.503)	(3.085.624.809)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	19.1	231.027.442.722	192.376.772.762
11	4. Giá vốn hàng bán		(138.583.681.976)	(122.065.714.320)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		92.443.760.746	70.311.058.442
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	3.606.793.028	3.454.597.070
22	7. Chi phí tài chính	20	(4.141.660.429)	(2.964.746.648)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.796.155.443)	(2.337.656.368)
25	8. Chi phí bán hàng		(10.536.544.351)	(7.418.696.164)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(31.278.493.091)	(26.881.532.523)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		50.093.855.903	36.500.680.177
31	11. Thu nhập khác	22	1.962.252.025	848.328.370
32	12. Chi phí khác	22	(2.235.595.415)	(42.844.762)
40	13. Lợi nhuận (chi phí) khác	22	(273.343.390)	805.483.608
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		49.820.512.513	37.306.163.785
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.2	(10.282.565.982)	(8.455.205.851)
52	16. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	24.3	(680.242.474)	343.903.381
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		38.857.704.057	29.194.861.315

  
Phạm Thị Giang  
Người lập

  
Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng

  
Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 04 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>49.820.512.513</b>	<b>37.306.163.785</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		7.331.264.447	6.610.087.193
03	Các khoản dự phòng		-	(935.592.002)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.433.965.781)	(2.910.083.804)
06	Chi phí lãi vay	20	2.796.155.443	2.337.656.368
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>56.513.966.622</b>	<b>42.408.231.540</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(32.430.031.101)	(10.327.993.397)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		3.208.457.603	(7.582.576.094)
11	Tăng các khoản phải trả		(11.473.641.849)	(4.018.145.422)
12	Tăng (giảm) chi phí trả trước		1.535.494.090	(853.991.745)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.841.719.723)	(2.332.487.115)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	24.2	(7.591.459.730)	(7.114.155.974)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11.557.386.965)	(10.564.300.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.636.321.053)</b>	<b>(385.418.207)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(60.540.070.917)	(4.703.794.680)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		869.457.370	-
25	Tiền chi góp vốn vào đơn vị khác		(5.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi và cổ tức được chia		3.425.161.488	3.327.699.000
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(61.245.452.059)</b>	<b>(1.376.095.680)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay đã nhận		89.211.969.321	84.534.969.576
34	Tiền trả nợ gốc vay		(108.958.369.744)	(65.854.685.973)
36	Chi trả cổ tức		(29.466.476.500)	(13.389.325.750)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(49.212.876.923)</b>	<b>5.290.957.853</b>

11-03-16



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

VNĐ

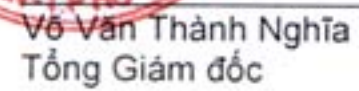
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(115.094.650.035)	3.529.443.966
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	392.910.555.920	293.241.297.803
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	277.815.905.885	296.770.741.769



Phạm Thị Giang  
Người lập



Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng

Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 04 năm 2016

16  
JNC  
Ổ F  
ÁP  
HIỆ  
TÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh:</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần 2	Ngày 6 tháng 4 năm 2007
Điều chỉnh lần 3	Ngày 15 tháng 10 năm 2007
Điều chỉnh lần 4	Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Điều chỉnh lần 5	Ngày 5 tháng 7 năm 2011
Điều chỉnh lần 6	Ngày 11 tháng 8 năm 2011
Điều chỉnh lần 7	Ngày 18 tháng 12 năm 2012
Điều chỉnh lần 8	Ngày 23 tháng 9 năm 2013
Điều chỉnh lần 9	Ngày 21 tháng 11 năm 2013
Điều chỉnh lần 10	Ngày 30 tháng 01 năm 2015
Điều chỉnh lần 11	Ngày 31 tháng 07 năm 2015
Điều chỉnh lần 12	Ngày 21 tháng 03 năm 2016

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy phép số 20/QĐ-SGDHCM ngày 2 tháng 2 năm 2010 do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ dùng dạy học bằng nhựa, hàng nhựa gia dụng, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm.

Công ty có trụ sở chính và nhà máy tại Lô 6-8-10-12, Đường số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

83  
 TỶ  
 HẮ  
 ĐỒ  
 NI  
 1-T.5



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 11.1 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho kỳ kế toán bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 tới Công ty được áp dụng trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 27.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

10/12/2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Quyền sử dụng đất không được trích hao mòn vì có thời gian sử dụng vô thời hạn.

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 7 năm
Khuôn	3 - 4 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và hao mòn nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 12 tháng 8 năm 2015 trong thời hạn 35 năm. Theo thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.11 Các khoản phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Phần tăng lên trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THIÊN LONG GROUP



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu.

▶ **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

30 / C C T I  
THI / 7/10



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

141  
ĐNK  
Ổ P  
.P E  
ÊN  
-T.I



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Tiền mặt	867.914.678	401.049.347
Tiền gửi ngân hàng	73.947.991.207	129.509.506.573
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>203.000.000.000</u>	<u>263.000.000.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>277.815.905.885</u></b>	<b><u>392.910.555.920</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền trình bày tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất theo mức lãi suất áp dụng.

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 25)	78.337.376.880	50.991.483.888
Phải thu bên thứ ba	<u>17.369.747.707</u>	<u>16.759.550.010</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>95.707.124.587</u></b>	<b><u>67.751.033.898</u></b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một số khoản phải thu để đảm bảo khoản vay tại ngân hàng.

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho các bên khác	5.149.717.249	13.393.025.664
- Jangoh machinery Co., LTD	624.344.000	-
- Dokumental GmbH & Co. KG Schreibfarben	1.439.511.323	1.841.358.009
- Các khoản trả trước khác	<u>3.085.861.926</u>	<u>11.551.667.655</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.149.717.249</u></b>	<b><u>13.393.025.664</u></b>

48  
TẬP  
HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**6. HÀNG TỒN KHO**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	122.873.768.706	125.884.487.031
Thành phẩm	54.133.762.447	52.155.910.446
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.717.826.329	23.502.535.627
Hàng mua đang đi trên đường	15.174.125.504	19.116.868.672
Công cụ, dụng cụ	585.081.827	807.019.412
Hàng hóa	775.026.274	1.001.227.502
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>219.259.591.087</b>	<b>222.468.048.690</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.437.854.252)	(13.437.854.252)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>205.821.736.835</b>	<b>209.030.194.438</b>

*Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:*

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Số đầu năm	(13.437.854.252)	(15.828.204.226)
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(12.330.566.280)
Sử dụng dự phòng trong kỳ	-	14.720.916.254
Số cuối kỳ	<b>(13.437.854.252)</b>	<b>(13.437.854.252)</b>

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay tại ngân hàng.

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	129.384.369	1.071.555.000
Bảo hiểm sức khỏe và tài sản	79.569.280	321.456.140
Công cụ, dụng cụ	99.163.308	2.248.289
	<b>308.116.957</b>	<b>1.395.259.429</b>
<b>Dài hạn</b>		
Thuê đất	66.553.906.496	67.038.522.320
Công cụ, dụng cụ	1.709.363.108	1.673.098.902
	<b>68.263.269.604</b>	<b>68.711.621.222</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>68.571.386.561</b>	<b>70.106.880.651</b>

(\*) Tiền thuê đất trả trước thể hiện quyền sử dụng đất được ghi nhận như tiền thuê đất trả trước như được trình bày trong Thuyết minh số 3.9.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 17, Tập đoàn đã thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khuôn	VNĐ Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	70.628.765.804	135.064.549.295	15.949.897.281	9.196.739.214	94.127.626.485	324.967.578.079
Mua trong kỳ	-	235.522.102	-	2.177.318.000	70.320.000	2.483.160.102
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.932.377.353	517.102.579	-	-	477.983.298	4.927.463.230
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(444.575.066)	-	-	(444.575.066)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	74.561.143.157	135.817.173.976	15.505.322.215	11.374.057.214	94.675.929.783	331.933.626.345
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	273.767.397	76.639.143.151	7.255.392.942	4.230.044.224	73.513.959.732	161.912.307.446
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(22.645.682.171)	(98.265.377.468)	(11.375.515.904)	(7.044.229.704)	(81.658.885.033)	(220.989.690.280)
Khấu hao trong kỳ	(857.559.700)	(2.933.838.777)	(344.277.585)	(349.332.631)	(1.678.126.769)	(6.163.135.462)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	444.575.066	-	-	444.575.066
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	(23.503.241.871)	(101.199.216.245)	(11.275.218.423)	(7.393.562.335)	(83.337.011.802)	(226.708.250.676)
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	47.983.083.633	36.799.171.827	4.574.381.377	2.152.509.510	12.468.741.452	103.977.887.799
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	51.057.901.286	34.617.957.731	4.230.103.792	3.980.494.879	11.338.917.981	105.225.375.669
<i>Trong đó:</i>						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	8.184.395.288	17.012.318.657		96.260.425		25.292.974.370



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Khác	VNĐ Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	9.847.625.000	38.336.459.426	367.000.000	115.978.400	48.667.062.826
Mua trong kỳ	59.888.350.067	869.940.000	-	-	60.758.290.067
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	69.735.975.067	39.206.399.426	367.000.000	115.978.400	109.425.352.893
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	3.548.838.733	367.000.000	115.978.400	4.031.817.133
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	(1.175.864.496)	(15.154.517.255)	(367.000.000)	(115.978.400)	(16.813.360.151)
Khấu hao trong kỳ	-	(1.269.392.045)	-	-	(1.269.392.045)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	(1.175.864.496)	(16.423.909.300)	(367.000.000)	(115.978.400)	(18.082.752.196)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	8.671.760.504	23.181.942.171	-	-	31.853.702.675
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	68.560.110.571	22.782.490.126	-	-	91.342.600.697
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	8.671.760.504	-	-	-	8.671.760.504



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Khuôn đang chế tạo	2.074.178.968	1.704.801.002
Xây dựng cơ bản	403.406.544	4.204.262.664
Thiết bị đang lắp đặt	460.718.430	596.771.566
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.938.303.942</b>	<b>6.505.835.232</b>

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.1)	124.500.000.000	119.500.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.2)	30.685.000.000	30.685.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>155.185.000.000</b>	<b>150.185.000.000</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(10.515.189.376)	(10.515.189.376)
<b>ĐẦU TƯ THUẬN</b>	<b>144.669.810.624</b>	<b>139.669.810.624</b>

**11.1 Đầu tư vào công ty con**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	31 tháng 03 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015	
	%	Giá trị	%	Giá trị
	sở hữu	VNĐ	sở hữu	VNĐ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành	100	69.500.000.000	100	69.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	100	20.000.000.000	100	20.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	100	10.000.000.000	100	10.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	100	20.000.000.000	100	20.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung	100	5.000.000.000	100	-
<b>ĐẦU TƯ THUẬN</b>		<b>124.500.000.000</b>		<b>119.500.000.000</b>

114  
ÔNG  
Ổ PH  
P Đ  
N L  
T.PH



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**11.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành ("TLLT") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 472031000036 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 12 năm 2005. TLLT có trụ sở chính tại Đường số 7, Khu Công nghiệp Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của TLLT là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu ("TLGTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104002492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 1 năm 2007. TLGTS có trụ sở chính tại Lô 6-8-10-12, Đường Số 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLGTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc ("TLNTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105012605 do Sở KH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 2010. TLNTS có trụ sở chính tại Tầng 2 Lô 9B, Khu đô thị Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính của TLNTS là kinh doanh văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam ("TLTS") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0309489650 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 11 năm 2009. TLTS có trụ sở chính tại số 19 – 21 Lô B, Đường Trường Sơn, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của TLTS là kinh doanh văn phòng phẩm.

Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0401708745 do Sở KH&ĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2015. Công ty có trụ sở chính tại Lô 07 – Khu B1, Đường Hà Huy Tập, Phường Thanh Xuân, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh văn phòng phẩm.

**11.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.685.000.000	30.685.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn khác	(10.515.189.376)	(10.515.189.376)
<b>ĐẦU TƯ THUẬN</b>	<b><u>20.169.810.624</u></b>	<b><u>20.169.810.624</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)**

**11.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	31 tháng 03 năm 2016		31 tháng 12 năm 2015	
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô Quỹ đầu tư Chứng khoán Sài Gòn A2	200.000	25.000.000.000	200.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Chip Sáng	500.000	3.565.000.000	500.000	3.565.000.000
Công ty Cổ phần In số 7	152.000	1.520.000.000	152.000	1.520.000.000
	75.000	600.000.000	75.000	600.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>30.685.000.000</b>		<b>30.685.000.000</b>

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	VND	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Phải trả các bên khác	63.741.515.891	63.194.074.853
- Premec SA	7.694.607.936	6.554.028.483
- Phải trả các bên khác	56.046.907.955	56.640.046.370
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	6.530.532.503	9.408.972.433
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70.272.048.394</b>	<b>72.603.047.286</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	31 tháng 12 năm 2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	31 tháng 03 năm 2016
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 24.2)	7.185.713.876	10.282.565.982	(7.591.459.730)	9.876.820.128
Thuế nhập khẩu	2.309.182.128	1.323.049.030	(2.431.460.674)	1.200.770.484
Thuế GTGT	3.146.396.379	11.623.100.332	(9.346.743.662)	5.422.753.049
Thuế thu nhập cá nhân	700.718.962	5.355.510.696	(5.323.806.530)	732.423.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.342.011.345</b>	<b>28.584.226.040</b>	<b>(24.693.470.596)</b>	<b>17.232.766.789</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Chi phí tiếp thị và quảng cáo	2.586.848.364	1.382.352.356
Lương tháng 13	2.697.500.000	10.550.302.210
Phí bảo trì phần mềm SAP	344.132.738	1.339.235.496
Chi phí hoạt động văn phòng đại diện	1.045.862.124	401.314.875
Chi phí lãi vay	409.840.213	455.404.493
Khác	5.313.506.497	5.896.649.778
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.397.689.936</b>	<b>20.025.259.208</b>

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Cổ tức phải trả	39.172.725	29.505.649.225
Kinh phí công đoàn	703.719.323	652.075.323
Khác	817.026.480	1.553.146.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.559.918.528</b>	<b>31.710.871.028</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	1.559.918.528	16.255.517.028
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)</i>	-	15.455.354.000

**16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn là trợ cấp thôi việc phải trả như được trình bày trong Thuyết minh số 3.12.

**17. VAY**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	136.225.014.553	154.645.753.076
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	11.865.147.600	9.677.647.600
	<b>148.090.162.153</b>	<b>164.323.400.676</b>
<b>Dài hạn</b>		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	40.368.466.901	43.881.628.801
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>188.458.629.054</b>	<b>208.205.029.477</b>

48  
DN  
Ổ  
ÁP  
HIF  
TAM



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	31 tháng 03	Giá trị	Thời hạn trả nợ	Lãi suất	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 5, 7, 9 và 10)
	năm 2016	nguyên tệ			
	VNĐ	Đô la Mỹ		(%/năm)	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	60.547.878.260		Từ ngày 14 tháng 04 năm 2016 đến ngày 18 tháng 07 năm 2016	4,9 – 6,0	Quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc; máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng
	2.981.066.274	133.013	Từ ngày 07 tháng 05 năm 2016 đến ngày 19 tháng 05 năm 2016	2,0	
Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.329.312.842		Ngày 01 tháng 07 năm 2016	5,26	Khoản phải thu, thành phẩm, nhà cửa và vật kiến trúc.
	17.972.595.099	807.506	Từ ngày 30 tháng 05 năm 2016 đến ngày 28 tháng 07 năm 2016	1,8	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	46.852.371.036		Từ ngày 12 tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016	4,9 – 5,0	Quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc
	6.541.791.042	291.754	Từ ngày 06 tháng 05 năm 2016 đến ngày 12 tháng 06 năm 2016	2,0	Quyền sử dụng đất, nhà cửa và vật kiến trúc
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>136.225.014.553</b>	<b>1.232.273</b>			

Công ty sử dụng tiền vay nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vốn lưu động.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	31 tháng 03 năm 2016 VNĐ	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 8 và 9)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn	17.233.614.501	16 lần hàng quý từ ngày 25 tháng 9 năm 2015 đến ngày 25 tháng 9 năm 2019	8,0 - 8,5	Máy móc và thiết bị
	35.000.000.000	16 lần hàng quý từ ngày 19 tháng 8 năm 2016 đến ngày 25 tháng 9 năm 2020	7,0	Các quyền tài sản tại Lô 8-10, đường số 8, KCN Tân Tạo mở rộng
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>52.233.614.501</b>			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	11.865.147.600			
Vay dài hạn	40.368.466.901			

Công ty sử dụng tiền vay đáp ứng mục đích mua sắm và lắp đặt tài sản cố định.



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	<i>Vốn cổ phần</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	267.924.260.000	128.217.023.000	63.550.321.702	157.273.665.702	616.965.270.404
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	29.194.861.315	29.194.861.315
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.806.998.237)	(7.806.998.237)
Thù lao và thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2015	<u>267.924.260.000</u>	<u>128.217.023.000</u>	<u>63.550.321.702</u>	<u>177.911.528.780</u>	<u>637.603.133.482</u>
<b>Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	294.714.640.000	128.217.023.000	78.290.097.498	168.604.446.240	669.826.206.738
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	88.412.080.000	-	-	(88.412.080.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	38.857.704.057	38.857.704.057
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(9.864.703.621)	(9.864.703.621)
Thù lao và thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(825.000.000)	(825.000.000)
Vào ngày 31 tháng 03 năm 2016	<u>383.126.720.000</u>	<u>128.217.023.000</u>	<u>78.290.097.498</u>	<u>108.360.366.676</u>	<u>697.994.207.174</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu kỳ	294.714.640.000	267.924.260.000
Tăng trong kỳ	88.412.080.000	26.790.380.000
Số cuối kỳ	383.126.720.000	294.714.640.000
Cổ tức công bố		
Cổ tức thanh toán bằng tiền	-	(69.660.103.000)
Cổ tức đã trả	(29.466.476.500)	(53.577.839.575)

**18.3 Vốn cổ phần**

	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	38.312.672	29.471.464
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	38.312.672	29.471.464
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	38.312.672	29.471.464

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng**

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>233.609.268.225</b>	<b>195.462.397.571</b>
Trong đó:		
Doanh thu từ bán thành phẩm	229.985.741.559	187.970.333.448
Doanh thu từ bán hàng hóa	3.623.526.666	7.492.064.123
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(2.581.825.503)</b>	<b>(3.085.624.809)</b>
Trong đó:		
Thành phẩm bị trả lại	(2.452.986.471)	(3.073.740.661)
Hàng hóa bị trả lại	(128.839.032)	(11.884.148)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>231.027.442.722</b>	<b>192.376.772.762</b>
Trong đó:		
Doanh thu từ bán thành phẩm	227.532.755.088	184.896.592.787
Doanh thu từ bán hàng hóa	3.494.687.634	7.480.179.975
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 25)	189.051.180.680	156.405.675.936
Doanh thu đối với bên khác	41.976.262.042	35.971.096.826



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.954.647.599	2.864.616.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	554.645.429	594.590.442
Cổ tức được chia	97.500.000	70.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	(74.609.872)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.606.793.028</u></b>	<b><u>3.454.597.070</u></b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
Chi phí lãi vay	2.796.155.443	2.337.656.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.345.504.986	627.090.280
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.141.660.429</u></b>	<b><u>2.964.746.648</u></b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>10.536.544.351</b>	<b>7.418.696.164</b>
- Chi phí tiếp thị và hội chợ	5.602.850.104	3.800.891.342
- Chi phí nhân viên	3.181.359.608	1.783.698.494
- Khác	1.752.334.639	1.834.106.328
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>31.278.493.091</b>	<b>26.881.532.523</b>
- Chi phí nhân viên	21.447.950.660	17.479.308.947
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.767.267.534	2.216.065.389
- Chi phí khấu hao	3.023.899.127	2.947.639.425
- Khác	3.039.375.770	4.238.518.762
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>41.815.037.442</u></b>	<b><u>34.300.228.687</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**22. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.962.252.025</b>	<b>848.328.370</b>
Nhận bồi thường do hàng hư hỏng	278.109.828	198.702.581
Thu từ cho thuê	139.500.000	156.000.000
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	381.818.182	-
Khác	1.162.824.015	493.625.789
<b>Chi phí khác</b>	<b>(2.235.595.415)</b>	<b>(42.844.762)</b>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	(24.532.696)
Khác	(2.235.595.415)	(18.312.066)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>(273.343.390)</b>	<b>805.483.608</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.225.555.087	94.639.012.329
Chi phí nhân công	49.809.224.032	42.443.871.927
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	7.331.264.447	6.730.157.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	26.075.201.805	21.676.766.108
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>186.441.245.371</b>	<b>165.489.808.232</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Chi phí thuế TNDN**

	VNĐ	
	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.876.820.128	8.551.259.414
Chi phí thuế TNDN trích thiếu năm trước	405.745.854	(96.053.563)
Thu nhập( chi phí) thuế TNDN hoãn lại	680.242.474	(343.903.381)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.962.808.456</b>	<b>8.111.302.470</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**24.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	VND	
	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>49.820.512.513</b>	<b>37.306.163.785</b>
<i>Điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận theo kế toán</i>		
Các chi phí không được khấu trừ	3.062.300.497	-
Thay đổi chi phí trả trước ngắn hạn	(1.617.892.500)	-
Thay đổi dự phòng phải trả dài hạn	273.557.500	(336.480.100)
Thay đổi chi phí phải trả	(1.988.383.978)	2.855.404.457
Thay đổi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(68.493.391)	(20.135.167)
Cổ tức nhận được	(97.500.000)	-
Thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(935.592.002)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>49.384.100.641</b>	<b>38.869.360.973</b>
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>9.876.820.128</b>	<b>8.551.259.414</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu( thừa) năm trước	405.745.854	(96.053.563)
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	7.185.713.876	7.210.209.537
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(7.591.459.730)	(7.114.155.974)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>9.876.820.128</b>	<b>8.551.259.414</b>

114  
ÔN  
Ở  
P  
ÊN  
1-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.3. Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>31 tháng 03 năm 2016</i>	<i>31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Quý 1 năm 2016</i>	<i>Quý 1 năm 2015</i>
	VND			
Dự phòng phải trả dài hạn	3.646.268.760	3.591.557.260	54.711.500	(74.025.622)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.687.570.850	2.687.570.850	-	(205.830.241)
Chi phí phải trả	1.406.233.705	1.803.910.501	(397.676.796)	628.188.981
Chi phí trả trước ngắn hạn	539.297.500	862.876.000	(323.578.500)	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	13.698.678	(13.698.678)	(4.429.737)
<b>Tài sản thuế hoãn lại</b>	<b>8.279.370.815</b>	<b>8.959.613.289</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>(680.242.474)</b>	<b>343.903.381</b>

TẬP ĐOÀN THIÊN LONG



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những nghiệp vụ trọng yếu của công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
			Giá trị VNĐ	Giá trị VNĐ
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Công ty con	Bán thành phẩm	173.576.651.796	147.781.387.605
		Phi sử dụng hệ thống SAP	127.140.000	127.140.000
		Thu từ cho thuê	90.000.000	120.000.000
		Mua hàng	102.984.226	79.604.910
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	2.245.926.870	7.799.728.100
		Bán thành phẩm, nguyên vật liệu	7.324.964.100	2.209.872.382
		Mua tài sản cố định	118.140.000	561.331.567
		Phi sử dụng hệ thống SAP	195.864.000	195.864.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	10.043.689.926	5.659.437.919
		Bán thành phẩm	5.476.137.407	4.606.011.965
		Thu từ cho thuê	18.000.000	18.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung	Công ty con	Bán thành phẩm	454.063.656	-
		Góp vốn	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	Công ty con	Bán thành phẩm	2.219.363.721	1.808.403.984
		Thu từ cho thuê	18.000.000	18.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	(15.455.354.000)	(7.025.161.000)
		Cổ phiếu thưởng	46.366.060.000	-

18/03/2016  
TY IN AN NI  
50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31 tháng 03	31 tháng 12
			năm 2016	năm 2015
			VNĐ	VNĐ
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Công ty con	Bán thành phẩm	62.944.913.601	35.759.070.724
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	Công ty con	Bán thành phẩm	4.158.982.253	7.974.030.296
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Bắc	Công ty con	Bán thành phẩm	2.461.100.094	4.107.829.147
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Trung	Công ty con	Bán thành phẩm	499.470.022	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành	Công ty con	Bán thành phẩm	8.272.910.910	3.150.553.721
			<b>78.337.376.880</b>	<b>50.991.483.888</b>
<b>Phải trả người bán</b>				
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Long Long Thành	Công ty con	Mua hàng hóa	(2.600.473.557)	(6.990.144.838)
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực Miền Nam	Công ty con	Mua hàng hóa	(3.530.977.208)	(2.132.889.270)
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Dịch vụ Thiên Long Hoàn Cầu	Công ty con	Mua hàng hóa	(399.081.738)	(285.938.325)
			<b>(6.530.532.503)</b>	<b>(9.408.972.433)</b>
<b>Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Long An Thịnh	Cổ đông lớn	Cổ tức phải trả	-	(15.455.354.000)
<b>Các giao dịch với các bên liên quan khác</b>				
Chi tiết các khoản thù lao và tiền thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát như sau:				
			Quý 1 năm 2016	Quý 1 năm 2015
Thù lao và các chi phí liên quan			825.000.000	750.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016

**26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	31 tháng 03 năm 2016	31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	2.159.124.300	3.187.703.400
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.159.124.300</b>	<b>3.187.703.400</b>

**27. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO THÔNG TƯ 200**

	Ngày 31 tháng 03 năm 2015 (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Ngày 31 tháng 03 năm 2016 (được trình bày lại)
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Thu nhập khác	1.409.659.937	(561.331.567)	848.328.370
Chi phí khác	(604.176.329)	561.331.567	(42.844.762)

**28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Phạm Thị Giang  
Người lập



Hồ Ngọc Cảnh  
Kế toán trưởng



Võ Văn Thành Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 04 năm 2016